

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG ĐIỀN  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST  
Ngày 30-9-2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Quế Phụng.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QDST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2022 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 05/QĐ-TA ngày 27 tháng 9 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc B, sinh năm: 1984 (có mặt).

*Địa chỉ:* Số nhà xx, tổ 2, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1982 và chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

*Địa chỉ:* Tổ 12 ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phan Văn T, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà xx, tổ 2, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-6-2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn T trình bày:*

Ngày 01-3-2021, anh Phan Văn T, chị Trần Thị Ngọc B cho anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Bích H vay 200.000.000đ, thông qua giấy viết tay có chữ ký của chị H. Giấy vay không thể hiện lãi suất, không ghi rõ thời hạn trả nợ, nhưng vợ chồng anh L hứa đến cuối năm 2021 sẽ trả đủ tiền vay và tiền lãi cho vợ chồng anh T, chị B. Đến hạn trả nợ, chị B yêu cầu trả thì vợ chồng anh L nại ra rằng đang gặp khó khăn chưa trả được và hứa là sẽ trả sớm. Sau đó, nhiều lần yêu cầu trả nợ thì đến tháng 3-2022, vợ chồng anh L trả được tổng cộng 70.000.000đ và xin khất lại số tiền 130.000.000đ trả sau.

Sau nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng vợ chồng anh L không hợp tác và thách thức nói rằng sẽ không trả thêm bất cứ đồng nào nên ngày 18-5-2022, chị B có đơn gửi đến Công an xã Phước Tỉnh nhờ giải quyết và đơn được chuyển đến UBND xã Phước Tỉnh.

Ngày 21-6-2022, UBND xã Phước Tỉnh mời hai bên lên giải quyết, tại buổi làm việc chị H thừa nhận có vay anh T, chị B 200.000.000đ và đã trả được 70.000.000đ còn nợ lại 130.000.000đ, nhưng chị H chỉ đồng ý trả 80.000.000đ mà không đồng ý trả đủ số tiền còn lại 50.000.000đ (chị H nói số tiền này anh L phải có trách nhiệm trả nên chỉ đồng ý trả 80.000.000đ) và xin được trả dần hàng tháng 10.000.000đ cho đến khi hết nợ, nhưng sau đó không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận.

Vì vậy, chị B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L, chị H phải trả 130.000.000đ còn nợ và tiền lãi tính từ ngày 01-3-2021 đến ngày 01-12-2021 với lãi suất 1,66% (20%/năm) tương đương 19.422.000đ và tiền lãi chậm trả trên số tiền 130.000.000đ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự (10%/năm) từ ngày 01-01-2022 đến ngày 16-6-2022 là 6.474.000đ.

Quá trình tố tụng, chị B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh L, chị H trả tiền lãi.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Bích H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn tại địa phương, kết quả như sau: Anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Bích H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 12, ấp Phước Tân, xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện nay, vợ chồng anh L, chị H vẫn sinh sống tại địa phương.

Tại Biên bản về việc giải quyết theo đơn của bà Trần Thị Ngọc B, cư ngụ tại ấp Phước Lộc, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 21-6-2022 của UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ghi nhận ý kiến trình bày của chị H như sau: “... 2. Ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Bích H: Tôi có vay mượn của bà Trần Thị Ngọc B với số tiền là 200.000.000đ, vào tháng 01 năm 2022, tôi đã trả cho bà Trần Thị Ngọc B với số tiền 70.000.000đ, số tiền còn nợ lại là 80.000.000đ. Hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi 03 đứa con nên không đủ khả năng trả cho chị B số tiền 01 lần là 80.000.000đ, cho phép tôi trả số nợ còn lại hàng tháng cho chị B là 10.000.000đ. Hàng tháng tôi đem số tiền 10.000.000đ đến tại địa điểm Ban áp Phước Tân để trả cho chị B đến khi hết số tiền nợ còn lại (thời gian trả tiền tính từ ngày 21 tháng này đến ngày 21 tháng sau)..”.

Tại phiên tòa: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc vợ chồng anh L, chị H phải trả 130.000.000đ, rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu trả tiền lãi của khoản vay. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật;

bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Bích H phải trả cho anh Phan Văn T, chị Trần Thị Ngọc B 130.000.000đ.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với khoản nợ còn lại 130.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn xác định yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ gốc còn lại 130.000.000đ, theo giấy đề ngày 01-3-2021, được xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi đối với khoản nợ còn lại là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả 130.000.000đ còn lại theo giấy đề ngày 01-3-2021, thì thấy:

[4] Tại Giấy đề ngày 01-3-2021, do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có nội dung “*Em có cho anh chị L – H vay 200.000.000 (hai trăm triệu)...*”. Theo chị B ngày 01-3-2021, vợ chồng chị cho anh L, chị H vay số tiền 200.000.000đ với mục đích để làm ăn, khi vay chị H có ký tên trong giấy vay, nhưng không ghi họ tên. Sau khi vay anh L, chị H đã trả được tổng cộng 70.000.000đ và còn nợ 130.000.000đ. Do anh L, chị H cố tình không trả nên chị B có đơn gửi đến UBND xã Phước Tỉnh yêu cầu giải quyết.

[5] Tại Biên bản làm việc ngày 21-6-2022 của UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có ghi nhận ý kiến trình bày của chị H

như sau: “Tôi có vay mượn của bà Trần Thị Ngọc B với số tiền là 200.000.000đ, vào tháng 01 năm 2022, tôi đã trả cho bà Trần Thị Ngọc B với số tiền 70.000.000đ, số tiền còn nợ lại là 80.000.000đ. Hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi 03 đứa con nên không đủ khả năng trả cho chị B số tiền 01 lần là 80.000.000đ, cho phép tôi trả số nợ còn lại hàng tháng cho chị B là 10.000.000đ. Hàng tháng tôi đem số tiền 10.000.000đ đến tại địa điểm Ban ấp Phước Tân để trả cho chị B đến khi hết số tiền nợ còn lại (thời gian trả tiền tính từ ngày 21 tháng này đến ngày 21 tháng sau)”.

[6] Mặc dù, Giấy đề ngày 01-3-2021, chỉ có nội dung “Em có cho anh chị L – H vay 200.000.000 (hai trăm triệu)...” và có chữ ký của người vay, nhưng không ghi họ tên và địa chỉ của người vay. Tuy nhiên, quá trình làm việc tại UBND xã Phước Tỉnh, chị H thừa nhận có vay của anh T, chị B 200.000.000đ và đến tháng 01-2022 đã trả được 70.000.000đ. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định quan hệ vay mượn giữa các bên là có thật, theo đó ngày 01-3-2021, anh L, chị H có vay của anh T, chị B 200.000.000đ và đã trả được 70.000.000đ.

[7] Theo Biên bản làm việc ngày 21-6-2022 của UBND xã Phước Tỉnh ghi nhận việc anh T, chị B cho anh L, chị H vay 200.000.000đ đã trả được 70.000.000đ, còn nợ lại 80.000.000đ. Việc UBND xã Phước Tỉnh ghi nhận việc anh L, chị H mới trả được 70.000.000đ và còn nợ anh T, chị B 80.000.000đ là không phù hợp. Chị B cho rằng do anh L, chị H gặp khó khăn trong làm ăn nên xin thời gian để bán nhà trả nợ và do có mối quan hệ bà con và để tạo điều kiện cho anh L, chị H trả nợ, làm ăn lo cho gia đình nên có nói nếu anh chị bán nhà mà trả nợ ngay thì đồng ý cho 50.000.000đ chỉ yêu cầu trả 150.000.000đ. Vì vậy, tại buổi làm việc của UBND xã Phước Tỉnh chị H có trình bày số nợ còn lại là 80.000.000đ.

[8] Tại Biên bản xác minh ngày 08-8-2022, ông Trang Thanh L – Cán bộ tư pháp hộ tịch UBND xã Phước Tỉnh là người ghi biên bản cung cấp nội dung thông tin liên quan đến buổi hòa giải như sau: “Trong quá trình hòa giải bà B trình bày nếu bà H, ông L bán nhà trả tiền một lần thì bà B chỉ lấy lại 80.000.000đ, còn 50.000.000đ sẽ cho ông L, bà H. Tôi nghĩ các bên sẽ thực hiện đúng lời hứa sẽ trả tiền một lần nên ghi trong biên bản là 80.000.000đ thay vì 130.000.000đ”.

[9] Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định khoản vay 200.000.000đ ngày 01-3-2021, anh L, chị H mới trả được 70.000.000đ còn nợ 130.000.000đ. Do anh L, chị

H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phải trả khoản nợ còn lại là có cơ sở chấp nhận.

[10] Từ những nhận định và phân tích nêu trên cần tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh L, chị H phải trả cho anh T, chị H 130.000.000đ còn nợ theo giấy đề ngày 01-3-2021.

[11] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh L, chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận là  $130.000.000đ \times 5\% = 6.500.000đ$ . Chị H không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc B về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Bích H trả tiền lãi của khoản vay còn lại 130.000.000đ theo giấy đề ngày 01-3-2021.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc B đối với anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Bích H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Bích H trả cho anh Phan Văn T, chị Trần Thị Ngọc B 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng, theo giấy đề ngày 01-3-2021.

*Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Bích H phải nộp 6.500.000 (sáu triệu, năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả cho chị Trần Thị Ngọc B 3.897.400 (ba triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008938 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

5. “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Võ Hoàng Đức**